

Số: /QHTL

Hà Nội, ngày 20/07/2018

BẢN TIN

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ DÂN SINH**
Lưu vực sông cái Ninh Hòa, sông Cái Nha Trang và vùng phụ cận tỉnh Khánh Hòa
(Tuần từ 20/07 đến 26/07/2018)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1.1. Lượng mưa

| TT | Trạm | Lượng mưa trong tuần (mm) | Lượng mưa cộng dồn từ đầu năm 2018 (mm) | So sánh với cùng kỳ (+/-%) (So sánh với cột (4)) | | | Dự báo tình hình mưa trong tuần tới (20/07-26/07) (mm) |
|-----|-------------------|---------------------------|---|---|------------|--------------|--|
| | | | | TB nhiều năm | Năm 2016 | Năm 2015 | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Ninh Hòa | 0,00 | 89,00 | -52% | +15% | +64% | 10 |
| 2 | Đồng Trăng | 0,00 | 90,00 | -44% | -19% | +33% | 9 |
| 3 | Nha Trang | 1,00 | 178,1 | -14% | -27% | +400% | 7 |
| 4 | Cam Ranh | 1,20 | 170,82 | -16% | +51% | +595% | 16 |
| | Trung bình | 0,55 | 131,98 | -32% | +5% | +273% | 11 |

Nhận xét: Lượng mưa cộng dồn các trạm đo mưa chính trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tính đến thời điểm hiện tại thấp hơn trung bình nhiều năm -32% và lớn hơn năm hạn 2015 là +273%, lượng mưa dự báo trong tuần tới là khoảng 11 mm.

1.2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

| TT | Tên công trình | Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³) | W trữ hiện tại so với W _{tk} (%) | Chênh lệch hiện tại so với cùng kỳ các năm (+/-) (Chênh lệch cột (3) với các năm) | | | Dự báo xu thế nguồn nước | Dự kiến W trữ cuối vụ (%) |
|-----|----------------|--|---|--|------|-------|--------------------------|---------------------------|
| | | | | TBNN | 2016 | 2015 | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | |
| 1 | Am Chúa | 4,69 | 27% | -6% | -18% | +22% | Giảm | 19% |
| 2 | Cam Ranh | 22,10 | 29% | -14% | -10% | +21% | Giảm | 12% |
| 3 | Cây Sung | 0,50 | 46% | -4% | -10% | +42% | Giảm | 45% |
| 4 | Đá Bàn | 75,00 | 30% | -3% | +15% | +24% | Giảm | 20% |
| 5 | Đá Đen | 3,43 | 18% | -18% | -8% | +10% | | - |
| 6 | Đồng Bò | 0,70 | 75% | +10% | -8% | +55% | Giảm | 63% |
| 7 | Hoa Sơn | 19,18 | 46% | -2% | -2% | +3% | Giảm | 37% |
| 8 | Láng Nhót | 2,10 | 51% | -10% | -15% | +19% | Giảm | 49% |
| 9 | Suối Dầu | 32,78 | 44% | -4% | -14% | +27% | Giảm | 27% |
| 10 | Suối Hành | 9,49 | 38% | +9% | +19% | +36% | | 38% |
| 11 | Suối Lớn | 0,22 | 91% | +20% | +59% | +27% | Tăng | 100% |
| 12 | Suối Luông | 0,62 | 19% | -18% | -10% | +0,2% | Giảm | 14% |
| 13 | Suối Sim | 1,31 | 20% | -24% | -32% | -31% | Giảm | 11% |
| 14 | Suối Trầu | 9,81 | 18% | -18% | -9% | +13% | Giảm | 11% |
| 15 | Tiên Du | 9,81 | 46% | -7% | -12% | +4% | Giảm | 43% |
| 16 | Ea Krông Rou | 35,90 | 17% | -53% | -83% | -83% | Giảm | 5% |

| TT | Tên công trình | Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³) | W trữ hiện tại so với W _{tk} (%) | Chênh lệch hiện tại so với cùng kỳ các năm (+/-) (Chênh lệch cột (3) với các năm) | | | Dự báo xu thế nguồn nước | Dự kiến W trữ cuối vụ (%) |
|----|----------------|--|---|--|-------------|------------|--------------------------|---------------------------|
| | | | | TBNN | 2016 | 2015 | | |
| 17 | Bến Ghe | 0,22 | 91% | +2% | -5% | +9% | Tăng | 100% |
| 18 | Hòn Khói | 1,20 | 100% | +6% | +1% | +17% | | - |
| 19 | Đá Mài | 2,60 | 42% | -16% | -19% | -21% | | - |
| 20 | Bà Bác | 0,20 | 100% | +36% | +50% | +85% | | 100% |
| 21 | Cây Búa | 0,80 | 51% | +0,3% | -4% | +13% | | - |
| 22 | Sở Quan | 0,20 | 95% | +4% | +0,2% | +10% | Giảm | 38% |
| 23 | Ba Dù | 0,23 | 87% | +3% | +0,2% | +9% | Tăng | 100% |
| 24 | Bàu Sang | 0,04 | 100% | +13% | +0,3% | +25% | | - |
| 25 | Đồng Mộc | 0,70 | 97% | +1% | -1% | +3% | Tăng | 100% |
| 26 | Đồng Hăng | | | | | | | - |
| 27 | Bích Đàm | 0,23 | 91% | +7% | +4% | +9% | | - |
| 28 | Tà Rục | 23,90 | 55% | -30% | -45% | -45% | Giảm | 44% |
| | Tổng cộng | 258,0 | 35% | -14% | -15% | -1% | | |

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của 28 công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là 258 triệu m³. Hiện tại, tổng dung tích là 90,48 triệu m³, đạt 35% so với thiết kế. Với tình hình nguồn nước như trên, các hồ có dung tích trên 50% DTTK tiếp tục bố trí sản xuất theo kế hoạch vụ Hè Thu 2018.

Tính đến thời điểm hiện tại, nếu thời tiết từ nay đến cuối vụ Hè Thu không có mưa bổ sung nước, một số hồ chứa có khả năng xảy ra hạn hán, thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt:

- Hồ Suối Trầu (DTHT đạt 18% DTTK) lòng hồ bị bồi lắng hiện tại chỉ đủ cấp nước cho sinh hoạt;

- Hồ Am Chúa (DTHT đạt 27% DTTK) do trong hồ không còn lượng sinh thủy, dự kiến diện tích không sản xuất khoảng 128 ha;

- Hồ Cây Sung (DTHT đạt 46% DTTK) do lượng sinh thủy trong hồ và lượng nước đến không còn, dự kiến diện tích không sản xuất khoảng 30 ha;

- Hồ Láng Nhót (DTHT đạt 51% DTTK) do lượng sinh thủy trong hồ không còn, lượng nước đến không có, dự kiến diện tích không sản xuất khoảng 8 ha.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

- Trong lưu vực sông Cái Ninh Hòa, sông Cái Nha Trang và các vùng phụ cận trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa có 28 công trình thủy lợi vừa và lớn được đưa vào tính toán cân bằng nước với tổng dung tích thiết kế các hồ 258 triệu m³. Tổng dung tích của các hồ hiện nay 90,48 triệu m³, trong khi tổng nhu cầu nước từ nay đến cuối vụ Hè Thu 2018 là 15,9 triệu m³ nên nguồn nước có trong các hồ cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước.

- Vụ Hè Thu năm 2018, dự kiến diện tích gieo trồng trên toàn tỉnh là 18.557 ha lúa, tính đến nay toàn tỉnh đã gieo trồng được khoảng 17.647 ha đạt 95% (trong đó: Cam Ranh: 650 ha, Vạn Ninh: 3.013 ha, Cam Lâm: 1.276 ha, Khánh Vĩnh: 245 ha, Diên Khánh: 3.943 ha, Khánh Sơn: 175 ha, Ninh Hòa: 8.095 ha và Nha Trang: 250 ha). Các cây trồng khác, diện tích đã gieo trồng thực tế so với kế hoạch như sau: Bắp 2.490/6.470 ha, rau 2.568/4.883

ha, sản 1.265/4.146 ha, mía 16.608/18.179 ha. Diện tích đã sản xuất do các hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh phụ trách tưới (hồ chứa, đập dâng, trạm bơm) tính đến thời điểm hiện tại đạt được 14.455 ha (diện tích theo kế hoạch 15.282 ha).

- Khả năng cấp nước trong vụ Hè Thu 2018: Dựa vào số liệu dự báo mưa, nguồn nước hiện có tại các hồ chứa trong vùng, kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu 2018 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, tính toán cân bằng nước cho thấy:

- ✓ Có 22/28 công trình đảm bảo cấp nước 100% vụ Hè Thu 2018.
- ✓ Có 2/28 công trình (hồ Đá Đen, hồ Cây Bứa) không bố trí tưới vụ Hè Thu năm 2018.
- ✓ Có 4/28 công trình (hồ Hòn Khói, hồ Đá Mài, hồ Đồng Hăng, hồ Bích Đàm) cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp không bố trí diện tích tưới.
- ✓ Tổng diện tích đảm bảo tưới của 28 công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là 9.996/9.996 ha.

| TT | Tên công trình | Dung tích so với thiết kế (%) | Nhiệm vụ sản xuất (ha) | Dự báo vụ Hè Thu 2018 | | | Ghi chú |
|------------------|----------------|-------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|----------------------|------------------------|----------------------------------|
| | | | | Dung tích dự báo so với TK (%) | Khả năng đáp ứng (%) | Diện tích đáp ứng (ha) | |
| 1 | Am Chúa | 27% | 374,15 | 19% | Đủ nước 100% | 374,15 | Đủ nước |
| 2 | Cam Ranh | 29% | 749,51 | 12% | Đủ nước 100% | 749,51 | Đủ nước |
| 3 | Cây Sung | 46% | 69,67 | 45% | Đủ nước 100% | 69,67 | Đủ nước |
| 4 | Đá Bàn | 30% | 4.104,78 | 20% | Đủ nước 100% | 4.104,78 | Đủ nước |
| 5 | Đá Đen | 18% | Không bố trí tưới vụ HT | - | | | Không bố trí tưới vụ HT |
| 6 | Đồng Bò | 75% | 7,26 | 63% | Đủ nước 100% | 7,26 | Đủ nước |
| 7 | Hoa Sơn | 46% | 793,74 | 37% | Đủ nước 100% | 793,74 | Đủ nước |
| 8 | Láng Nhót | 51% | 384,44 | 49% | Đủ nước 100% | 384,44 | Đủ nước |
| 9 | Suối Dầu | 44% | 1.649,71 | 27% | Đủ nước 100% | 1.649,71 | Đủ nước |
| 10 | Suối Hành | 38% | 248,27 | 38% | Đủ nước 100% | 248,27 | Đủ nước |
| 11 | Suối Lớn | 91% | 38,55 | 100% | Đủ nước 100% | 38,55 | Đủ nước |
| 12 | Suối Luông | 19% | 72,00 | 14% | Đủ nước 100% | 72,00 | Đủ nước |
| 13 | Suối Sim | 20% | 2,00 | 11% | Đủ nước 100% | 2,00 | Đủ nước |
| 14 | Suối Trầu | 18% | 473,59 | 11% | Đủ nước 100% | 473,59 | Thiếu nước |
| 15 | Tiên Du | 46% | 72,96 | 43% | Đủ nước 100% | 72,96 | Đủ nước |
| 16 | Ea Krông Rou | 17% | 480,00 | 5% | Đủ nước 100% | 480,00 | Đủ nước |
| 17 | Bến Ghe | 91% | 48,00 | 100% | Đủ nước 100% | 48,00 | Đủ nước |
| 18 | Hòn Khói | 100% | Cấp nước CN (Vinashine) | - | | | Cấp nước CN (Vinashine) |
| 19 | Đá Mài | 42% | Không bố trí tưới | - | | | Không bố trí tưới |
| 20 | Bà Bác | 100% | 29,69 | 100% | Đủ nước 100% | 29,69 | Đủ nước |
| 21 | Cây Bứa | 51% | Không bố trí tưới | - | | | Không bố trí tưới |
| 22 | Sở Quan | 95% | 50,00 | 38% | Đủ nước 100% | 50,00 | Thiếu nước |
| 23 | Ba Dùi | 87% | 5,60 | 100% | Đủ nước 100% | 5,60 | Đủ nước |
| 24 | Bàu Sang | 100% | 30,00 | - | Đủ nước 100% | 30,00 | Thiếu nước |
| 25 | Đồng Mộc | 97% | 30,00 | 100% | Đủ nước 100% | 30,00 | Đủ nước |
| 26 | Đồng Hăng | | Không bố trí tưới | - | | | Không bố trí tưới |
| 27 | Bích Đàm | 91% | Cấp nước sinh hoạt & công nghiệp | - | | | Cấp nước sinh hoạt & công nghiệp |
| 28 | Tà Rục | 55% | 281,68 | 44% | Đủ nước 100% | 281,68 | Đủ nước |
| Tổng công | | 35% | | | | 9.996 | |

2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Bảng tổng hợp thông tin nguồn nước và nhu cầu nước vùng nằm ngoài công trình thủy lợi theo kịch bản kiến nghị tính toán.

| Trạm | Vùng | Mưa hiện trạng và dự báo (mm) | So với mưa cùng thời đoạn (+/-%) | | | Khuyến cáo |
|------------|---------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|--------|---------|----------------------------|
| | | | Năm Min | Năm TB | Năm Max | |
| Ninh Hòa | Thị xã Ninh Hòa, huyện Vạn Ninh | 99 | 73% | -51% | -74% | Khả năng xảy ra hạn cục bộ |
| Đồng Trăng | Huyện Diên Khánh, Khánh Vĩnh | 99 | 28% | -46% | -67% | Khả năng xảy ra hạn cục bộ |

| Trạm | Vùng | Mưa hiện trạng và dự báo (mm) | So với mưa cùng thời đoạn (+/-%) | | | Khuyến cáo |
|-----------|---------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|-------------|-------------|-----------------|
| | | | Năm Min | Năm TB | Năm Max | |
| Nha Trang | TP Nha Trang | 185 | 353% | -15% | -61% | Rủi ro hạn thấp |
| Cam Ranh | TP Cam Ranh, Cam Lâm, Khánh Sơn | 187 | 602% | -15% | -64% | Rủi ro hạn thấp |
| | Trung bình | | +264% | -32% | -67% | |

Nhận xét:

Đối với vùng thị xã Ninh Hòa, huyện Vạn Ninh và vùng huyện Diên Khánh, huyện Khánh Vĩnh, lượng mưa dự báo đạt thấp hơn TBNN lần lượt là -51% (trạm Ninh Hòa) và -46% (trạm Đồng Trăng), dự báo khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất nằm ngoài các công trình thủy lợi phụ thuộc nước mưa trong vùng là tương đối cao. Khi nhu cầu nước tự phát vượt quá khả năng đáp ứng của nguồn nước mặt và nước ngầm hiện có gây nên tình trạng hạn hán cục bộ cần có giải pháp tích trữ nước khi trời mưa và sử dụng nước tiết kiệm.

Đối với vùng thành phố Nha Trang và vùng thành phố Cam Ranh, huyện Cam Lâm, huyện Khánh Sơn, mưa lũy kế từ đầu năm 2018 đến hết vụ Hè Thu 2018 dự báo ở mức thấp hơn so với TBNN khoảng -15% (trạm Nha Trang) và -15% (trạm Cam Ranh) như vậy khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất phụ thuộc nước mưa trong vùng không cao. Tuy nhiên vẫn cần phải sử dụng nước tiết kiệm.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nguồn nước hiện tại trong các công trình thủy lợi cộng với lượng mưa bổ sung được dự báo trong thời gian tới cơ bản đảm bảo cấp cho sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu 2018. Tuy nhiên vẫn cần sử dụng nước tiết kiệm để đảm bảo nguồn nước phục vụ nhu cầu cho các giai đoạn tiếp theo.

Đối với những vùng tưới không sử dụng nước từ các công trình thủy lợi, tình hình hạn hán trong vụ Hè Thu 2018 được dự báo tương đối cao, do trong vùng mùa khô có lượng mưa rất thấp kết hợp với thời tiết nắng nóng và gió nhiều nên việc đáp ứng nhu cầu nước cho cây trồng vẫn luôn tiềm ẩn khả năng xảy ra hạn hán, đặc biệt là các vùng sản xuất tập trung. Vì vậy đối với tỉnh Khánh Hòa vẫn cần tích trữ nước đồng thời sử dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, giảm tổn thất bốc hơi mặt ruộng và các công cụ lưu trữ nước khác.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 27/7/2018.